

Số: /BC-STC

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG THÁNG 08/2023 VÀ CÔNG TÁC**  
**QUẢN LÝ GIÁ - CÔNG SẢN THÁNG 08/2023**

**I. TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG THÁNG 08/2023:**

**- Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.**

Theo số liệu Cục Thống kê cung cấp, chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (CPI) tháng 08/2023 tăng 0,62% so với tháng trước (Trong đó: khu vực thành thị tăng 0,57% so với tháng trước; khu vực nông thôn tăng 0,64% so với tháng trước).

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, tháng 08/2023 có 10 nhóm tăng giá, 1 nhóm giảm giá:

- Có 10/11 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, cụ thể như sau:

- + Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,73%;
- + Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,12%;
- + Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng tăng 0,22%;
- + Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,03%;
- + Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%;
- + Nhóm giao thông tăng 4,10%;
- + Nhóm Bưu chính viễn thông tăng 0,12%;
- + Nhóm giáo dục tăng 0,25%;
- + Nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,02%;
- + Nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,28%.

- Có 1/11 nhóm giảm giá, cụ thể như sau:

- + Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 2,77%;

Chỉ số giá tiêu dùng, Vàng và Đôla Mỹ tháng 08/2023 (số liệu của Cục Thống kê tỉnh):

Tên nhóm	So với cùng kỳ tháng năm trước (%)	So với tháng trước (%)	Bình quân cùng kỳ (%)
- Chỉ số giá chung:	104,57	100,62	104,54
- Chỉ số giá lương thực:	111,36	104,49	107,22
- Chỉ số giá thực phẩm:	99,94	100,04	102,42
- Chỉ số hàng hóa và các	108,46	100,28	104,77

Tên nhóm	So với cùng kỳ tháng năm trước (%)	So với tháng trước (%)	Bình quân cùng kỳ (%)
dịch vụ khác:			
+ Chỉ số giá vàng:	105,47	100,84	101,16
+ Chỉ số Đôla Mỹ:	101,65	100,52	102,58

**- Phân tích cụ thể.**

**1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống:**

**a. Lương thực:**

- Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 8/2023 tăng 4,49% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 6,03% do giá gạo xuất khẩu tăng nên đẩy giá gạo trong nước tăng theo. Giá gạo tẻ thường loại Khang Dân dao động từ 15.969-17.200 đồng/kg; giá gạo tẻ Xi Dẻo từ 15.645 – 17.888 đồng/kg;

**b. Thực phẩm:**

- Giá thực phẩm tháng 8/2023 tăng 0,04% so với tháng trước chủ yếu tập trung ở một số mặt hàng sau;

+ Giá thịt heo tăng 0,16% so với tháng trước do số lượng chăn nuôi giảm, giá thức ăn, chi phí chăn nuôi tăng;

+ Giá thịt gà tăng 0,13%, giá thủy sản chế biến tăng 1,46% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng tăng cao.

+ Giá rau tươi khô và chế biến tăng 1,60% do ảnh hưởng của thời tiết nắng mưa thất thường ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng của nhiều loại rau, củ.

**2. Giáo dục:**

Giá nhóm giáo dục tháng 8/2023 tăng 0,25% so với tháng trước chủ yếu ở giá sách giáo khoa và đồ dùng học tập.

**3. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng:**

Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 08/2023 tăng 0,22% so với tháng trước. Diễn biến giá một số mặt hàng trong nhóm như sau:

- Giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 1,08% do chi phí nhân công tăng;

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,42% chủ yếu do giá thép giảm;

- Giá gas từ ngày 01/08/2023 điều chỉnh tăng 26.360đ/bình/12kg so với tháng trước do giá gas trong nước phụ thuộc vào diễn biến thế giới và điều chỉnh theo mức tương ứng.

- Giá xăng, dầu điều chỉnh vào các ngày 01/8/2023, 11/8/2023, 21/8/2023. Ngày 11/08/2023 (Vùng 2) giá xăng, dầu Petrolimex như sau:

STT	Mặt hàng	Đơn giá (đồng/ lít)
1	Xăng 95-V	24.420
2	Xăng 95-III	23.990
3	Xăng sinh học E5 RON 92-II	22.820

STT	Mặt hàng	Đơn giá (đồng/ lít)
4	Diesel 0,001S-V	22.950
5	Diesel 0,05S-II	22.420
6	Dầu hỏa dân dụng	21.880

#### 4. Thiết bị và đồ dùng gia đình:

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 8/2023 tăng 0,03% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng tăng.

#### 5. May mặc, mũ nón, giày dép:

Chỉ số nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 8/2023 tăng 0,12% so với tháng trước do nguyên phụ liệu sản xuất, chi phí nhân công và nhu cầu mua sắm tăng.

#### 6. Giao thông:

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 8/2023 tăng 4,10% so với tháng trước, do giá xăng dầu điều chỉnh tăng kéo theo giá nhóm giao thông tăng.

#### 7. Văn hóa, giải trí và du lịch:

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí, du lịch tăng 0,02% do có nhiều chính sách ưu đãi đến khách hàng.

#### 8. Hàng hóa và dịch vụ khác:

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 08/2023 tăng 0,28% tập trung ở giá dịch vụ về hiệu, hỉ, đồ dùng phục vụ cá nhân.

#### 9. Thuốc và dịch vụ y tế:

Giá thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03% so với tháng trước do chi phí nguyên liệu sản xuất tăng, thời tiết dễ gây bệnh, một số nguồn cung về thiết bị y tế và thuốc có phần khan hiếm nên đẩy giá một số loại thuốc tăng.

#### 10. Bưu chính viễn thông:

Giá nhóm bưu chính viễn thông tăng 0,12% so với tháng trước do hàng hoá, mẫu mã mới, hết chương trình khuyến mãi đẩy giá thành tăng.

#### 11. Đồ uống và thuốc lá:

Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 2,77% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng và giá nguyên liệu đầu vào tăng.

#### 12. Giá vàng và Đôla Mỹ:

- Giá vàng tháng này tăng 0,84% so với tháng trước, tăng 5,47% so với cùng kỳ năm trước do giá vàng biến động theo giá vàng thế giới.

- Đồng đô la Mỹ tăng, giảm đan xen khi lạm phát ở Mỹ hạ nhiệt, chỉ số tháng này là 100,52% tăng 0,52% so với tháng trước và tăng 1,65% so với cùng kỳ năm trước.

Diễn biến cụ thể giá vàng và đô la Mỹ trong tháng 08/2023 như sau:

(ĐVT: ngàn đồng/lượng, đồng/USD)

I	Vàng SJC thẻ	Ngày	Ngày	Ngày	Ngày
---	--------------	------	------	------	------

		<b>03/08</b>	<b>10/08</b>	<b>19/08</b>	<b>26/08</b>
1	Mua vào	66.600	66.700	67.000	67.350
2	Bán ra	67.230	67.330	67.730	68.080
<b>II</b>	<b>Vàng 99,99 nhẫn</b>	<b>Ngày 03/08</b>	<b>Ngày 10/08</b>	<b>Ngày 19/08</b>	<b>Ngày 26/08</b>
1	Mua vào	55.900	55.900	55.750	56.000
2	Bán ra	56.900	56.850	56.700	56.950
<b>III</b>	<b>Đôla Mỹ: NH (Vietcombank)</b>	<b>Ngày 03/08</b>	<b>Ngày 10/08</b>	<b>Ngày 19/08</b>	<b>Ngày 26/08</b>
1	Mua vào	23.580	23.570	23.630	23.810
2	Bán ra	23.920	23.910	23.970	24.150

## **II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ - CÔNG SẢN THÁNG 08/2023:**

- Thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất: 0 hồ sơ, Luỹ kế 7 hồ sơ;

- Thẩm định phương án giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: 10 hồ sơ, Luỹ kế 12 hồ sơ;

- Thẩm định phương án giá đất cụ thể làm cơ sở xác định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất: 0 hồ sơ, Luỹ kế 6 hồ sơ;

- Trình UBND tỉnh phê duyệt giá trị hỗ trợ, bồi thường khi thu hồi diện tích đất: 0 hồ sơ, Luỹ kế 01 hồ sơ;

- Xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp: 1 hồ sơ, Luỹ kế: 8 hồ sơ;

- Báo cáo Thẩm định dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: 1 hồ sơ, Luỹ kế: 14 hồ sơ;

- Báo cáo UBND tỉnh về đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết: 1 hồ sơ, Luỹ kế: 2 hồ sơ;

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản công sung quỹ Nhà nước và xác lập quyền sở hữu toàn dân: 0 hồ sơ, Luỹ kế: 3 hồ sơ;

- Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán các dự án: 0 hồ sơ, Luỹ kế: 3 hồ sơ;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thuận chủ trương thanh lý, điều chuyển và phê duyệt giá khởi điểm tài sản, xe ô tô theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị: 2 hồ sơ, Luỹ kế: 12 hồ sơ;

- Trình UBND tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP: 2 hồ sơ, Luỹ kế: 10 hồ sơ;

- Thẩm định một số nội dung công việc khác liên quan đến lĩnh vực quản lý giá - Công sản: 2 hồ sơ;
- Ban hành kết luận định giá tài sản theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; 2 hồ sơ, Luỹ kế: 13 hồ sơ;
- Báo cáo tình hình giá cả thị trường theo quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính: 1 hồ sơ, Luỹ kế: 7 hồ sơ;
- Báo cáo tình hình triển khai, thực hiện các quy định của Luật, nghị định, thông tư: 1 hồ sơ, Luỹ kế 13 hồ sơ;
- Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác theo thời gian quy định: 0 hồ sơ, Luỹ kế: 7 hồ sơ;
- Góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật và các nội dung khác theo đề nghị của đơn vị: 7 hồ sơ, Luỹ kế: 48 hồ sơ;
- Thẩm định dự thảo quyết định của UBND tỉnh; 0 hồ sơ, Luỹ kế: 03 hồ sơ;
- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các quyết định quy định của UBND tỉnh Bình Phước; 0 hồ sơ: Luỹ kế 02 hồ sơ;
- Báo cáo các nội dung khác theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị: 3 hồ sơ. Luỹ kế: 7 hồ sơ;
- Các hồ sơ công việc khác: 74 hồ sơ;
- Nhận hồ sơ kê khai giá, đăng ký giá; 9 hồ sơ, Luỹ kế: 80 hồ sơ;
- Tham gia định giá tài sản theo đề nghị của Toà án tỉnh, phối hợp định giá tài sản vi phạm hành chính để xác định khung hình phạt, thẩm quyền xử phạt theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền và xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền do cơ quan thi hành án cấp tỉnh chuyển giao.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 08/2023 và công tác quản lý giá công sản tháng 08/2023 của Sở Tài chính Bình Phước./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài chính;
- Cục Quản lý giá;
- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Sở Tài chính các tỉnh: Bình Dương; Tây Ninh; Đắk Nông; Bình Thuận; Ninh Thuận.
- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng TC - KH các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, Phòng QLG-CS (A).

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**